

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 2423/QĐ-ĐHCT ngày 05 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Sư phạm Lịch sử** (History Teacher Education)

Mã ngành: 7140218

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Sư phạm Lịch sử, Khoa Sư phạm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên Lịch sử có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, có năng lực quản lý và nghiên cứu khoa học tại các trường phổ thông trung học và các cơ sở giáo dục; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, có ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có khả năng thích nghi với các môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, xã hội và tâm lý, quản lý hành chính trong giáo dục, kỹ năng mềm, sáng tạo và khởi nghiệp, kiến thức quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành.

b. Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về khoa học lịch sử; về tâm lý học sư phạm, giáo dục và hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, lý luận dạy học, thiết kế chương trình lịch sử, đánh giá kết quả học tập lịch sử, kỹ năng sử dụng tin học trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông làm cơ sở để học tập, nghiên cứu chuyên sâu trong chuyên ngành Sư phạm Lịch sử.

c. Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết chuyên sâu về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới từ cổ đại đến hiện đại; phương pháp dạy học lịch sử; rèn luyện các kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng thực hành nghề nghiệp giáo viên lịch sử, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành và yêu cầu hội nhập quốc tế.

d. Rèn luyện cho sinh viên vận dụng hiệu quả các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu lịch sử ở trường phổ thông và các bậc học cao hơn.

đ. Hình thành cho sinh viên những phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất xã hội phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học, người học có khả năng:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, tâm lý, kỹ năng mềm và khởi nghiệp.

b. Trình bày được những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Trình bày và tổng hợp được kiến thức nền tảng về khoa học Lịch sử, khoa học giáo dục, tâm lý học, các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn Lịch sử trong trường phổ thông.

b. Tổng hợp và vận dụng các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh trong giảng dạy và nghiên cứu môn học Lịch sử.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới vào thực tiễn phù hợp với việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử.

b. Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục và khoa học lịch sử trong dạy học, kiểm tra, đánh giá tại các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục khác và cho việc học tiếp ở bậc học cao hơn.

c. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học, điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; nắm vững kiến thức chuyên môn và vận dụng các phương pháp dạy học Lịch sử vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông.

b. Thiết kế và tổ chức kiểm tra đánh giá môn Lịch sử theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông,

c. Xây dựng và phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Sử dụng được một ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1, khung Châu Âu), kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản trong nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử ở trường phổ thông, nghiên cứu chuyên môn, giao tiếp và trao đổi quốc tế;

b. Tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, cập nhật kiến thức từ những nguồn khác nhau đáp ứng theo nhu cầu và nhiệm vụ công tác, sáng tạo trong giải quyết vấn đề nhằm xây dựng năng lực thích ứng và tự học suốt đời.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo.

b. Tích cực tham gia công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn, có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc, cầu thị, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong môi trường giáo dục.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Giáo dục, Quản lý giáo dục và các ngành có liên quan đến chuyên ngành Lịch sử ở trong và ngoài nước.

- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực giáo dục và Lịch sử.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Kế hoạch số 1138/KH ĐHCT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 48.

- Luật giáo dục đại học (Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018); Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình môn Lịch sử của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018; Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế; Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các chương trình đào tạo của Trường Đại học Sydney, Trường Đại học Phranakhon Si Ayutthaya Rajabhat (Thái Lan).

- Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành Sư phạm Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông
- Dự án Phát triển giáo viên Trung học Phổ thông- Trung cấp chuyên nghiệp (Bộ Giáo dục Đào tạo và ADB-2012).

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007	I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	I,II,III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	Thực hành Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 26 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
34	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II
35	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II
36	SG394E	Giáo dục hòa nhập	2			30				I,II
37	SG114E	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079		I,II,III
38	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30				I,II,III
39	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		I,II
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		15	30			I,II
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và Khoa học Xã hội	2		2	30		SP079		I,II
42	SG104	Nguyên lý dạy học Lịch sử	2			30		SP079		I,II
43	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và Khoa học Xã hội	2		2	30		SP079		I,II
44	SG106	Thiết kế chương trình môn Lịch sử	2			30		SP079		I,II
45	SG300	Lịch sử địa phương	2	2		15	30			I,II
46	SP241E	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	2	2		15	30			I,II
47	SG452	Thực tế ngoài trường - Sư phạm Lịch sử	2	2			60			I,II
48	SG140	Nhập môn khoa học Lịch sử	2	2		30				I,II
49	SG109	Phương pháp luận sử học	2	2		30				I,II
50	SP231	Khảo cổ học	2	2		30				I, II
51	SP232E	Dân tộc học đại cương	2	2		30				I, II
52	SG011E	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III
Cộng: 31 TC (Bắt buộc 25 TC; Tự chọn: 6 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	SG411	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 1	2	2		30				I,II
54	SG412	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 2	2	2		30		SG411		I,II
55	SG410	Lịch sử Thế giới cận đại 1	2	2		30		SG412		I,II
56	SP497	Lịch sử Thế giới cận đại 2	2	2		30		SG410		I,II
57	SG413	Lịch sử Thế giới hiện đại 1	2	2		30		SP497		I,II
58	SG414	Lịch sử Thế giới hiện đại 2	2	2		30		SG413		I,II
59	SG416	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1	2	2		30				I,II
60	SP501	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2	2	2		30		SG416		I,II
61	SG415	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	2	2		30		SP501		I,II
62	SP503	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	2	2		30		SG415		I,II
63	XH361	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	2	2		30		SP503		I,II
64	SG417	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	2	2		30		XH361		I,II
65	SP233	Lịch sử Đông Nam Á	2	2		30				I,II
66	SG105	Phương pháp dạy học Lịch sử	2	2		15	30	SP079, SP010		I,II
67	SP240	Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm Lịch sử	2	2		15	30	SG105		I,II
68	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và Khoa học Xã hội	2		2	15	30	SP079		I,II
69	SG108	Đánh giá kết quả học tập Lịch sử	2			15	30	SP079		I, II
70	SG378	Tập giảng môn lịch sử	2	2			60	SG105		I, II
71	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		I
72	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG378		II
73	SG409	Lịch sử Nhật Bản từ năm 1868 đến nay	2	2		30				I,II
74	SG396	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	2	2		30				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
75	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2		30				I,II
76	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	2		30				I,II
77	SP025	Lịch sử khẩn hoang Nam Bộ	2	2		30				I,II
78	SP200	Lịch sử Văn minh Việt Nam	2	2		30				I,II
79	SP196	Anh văn chuyên môn Lịch sử	2	2		30				I,II
80	SP235	Lịch sử văn minh Thế giới	2		2	30				I,II
81	SG398E	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	2			30				I,II
82	SG302E	Lịch sử Tư tưởng Phương Tây	2		2	30				I,II
83	SG301E	Lịch sử Tư tưởng Phương Đông	2			30				I,II
84	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2			30				I,II
85	SP595	Lịch sử Tư tưởng Việt Nam	2		2	30				I,II
86	SG427	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	2			30				I,II
87	SG397	Chiến tranh và cách mạng trong lịch sử Việt Nam	2			30				I,II
88	SP511	Luận văn tốt nghiệp - Lịch sử	10				300	≥ 105 TC		I,II
89	SP510	Tiểu luận tốt nghiệp - Lịch sử	4				120	≥ 105 TC		I,II
90	SG408	Lịch sử chủ quyền Việt Nam ở biển Đông	2		10	30				I,II
91	SG407	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử	2			30				I,II
92	SG304E	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam	2			30				I,II
93	SG432	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2			30				I,II
94	SP019	Danh nhân đất Việt	2			30				I,II
Cộng: 69 TC (Bắt buộc: 51 TC; Tự chọn: 18 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)										

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Trung Tính

KHOA SƯ PHẠM
TRƯỞNG KHOA

Huỳnh Anh Huy